

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108 /BC-CTHTHHKV IX

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 26 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP

Kính gửi:

- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam;
- Trung tâm Công nghệ thông tin Bộ Giao thông vận tải.

Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

Thực hiện Quyết định số 830/QĐ-TCTBĐATHHMN ngày 30/6/2021 của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam về việc ban hành Quy chế công bố thông tin của Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thực hiện theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021.

Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực IX trân trọng báo cáo việc công bố thông tin cụ thể như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024 (có kèm theo các biểu mẫu).
2. Báo cáo tài chính năm 2023. *Ước*

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chi bộ Công ty;
- Ban lãnh đạo, KSV Cty;
- Lưu: VT, TCHC.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Vũ Tiên Việt

BÁO CÁO
MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH
NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo số: 108/BC -CTHTHHKV IX ngày 26/3/2024)

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

Hoàn thành việc cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng dịch vụ, không để xảy ra tai nạn hàng hải, tai nạn lao động; bảo đảm an toàn, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

Thực hiện đầu tư, cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ quản lý sản xuất kinh doanh.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Khối lượng dịch vụ: 455 lượt tàu, khối lượng dịch vụ hoa tiêu hàng hải thực hiện đảm bảo đáp ứng kịp thời, đầy đủ 100% lượt tàu khi có yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu thuộc các tuyến dẫn tàu được giao theo quy định của Nhà nước.

- Về chất lượng dịch vụ: Đảm bảo an toàn, tuân thủ đúng các quy định về chất lượng của cơ quan nhà nước và Tổng công ty, không để xảy ra tai nạn hàng hải do lỗi chủ quan của Hoa tiêu.

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

(Theo Tờ trình số 57/TTr-CTHTHHKV IX ngày 28/02/2024
về Kế hoạch sản xuất kinh doanh dịch vụ hoa tiêu hàng hải năm 2024
của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực IX)

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu kế hoạch
1	Sản lượng		
1.1	Lượt tàu	Lượt	455
1.2	Tổng số GTHL	GTHL	122.064.932
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	15.486
2.1	Doanh thu dịch vụ HTHH	Triệu đồng	15.086

2.2	Doanh thu khác	Triệu đồng	400
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.224
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	969
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Triệu đồng	255
6	Tổng vốn đầu tư	Triệu đồng	0
7	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Triệu đồng	0
8	Các chỉ tiêu khác		0

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm 2024: Không



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Vũ Tiến Việt

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI
KHU VỰC IX

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
đã được kiểm toán

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AACS



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	05 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28



CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC IX

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về công ty

Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX tiền thân là Công ty Hoa Tiêu Khu Vực IX, là Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2008 thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải. Ngày 25 tháng 06 năm 2010, Bộ Giao Thông Vận Tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa Tiêu Khu Vực IX thành Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011, theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao Thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Công ty đã 06 (sáu) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 05 năm 2022.

Trụ sở đăng ký

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chủ tịch và Ban Giám đốc

Chủ tịch và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Chủ tịch Công ty	Chức vụ	Bổ nhiệm	
- Ông Vũ Tiến Việt	Chủ tịch Công ty	01/11/2017	
	Kiểm điều hành Công ty	01/07/2022	
Ban Giám đốc	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
- Bà Lê Thị Thu Hằng	Phó Giám đốc	16/01/2019	

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông: Vũ Tiến Việt

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AACS đã được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Công bố trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

Lập báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Chủ tịch và Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo. Chúng tôi cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện và thay mặt Ban Giám đốc



Vũ Tiến Việt

Chủ tịch Công ty

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Số: 021/2024/BCKT/AACS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: - **Chủ tịch và Ban Giám đốc**
- **Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 20 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty đối với Báo cáo tài chính

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AACS



Nguyễn Duy Mạnh

Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5407-2020-294-1

Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 21 tháng 02 năm 2024

Lê Thị Hoài An

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3519-2023-294-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.052.062.668	12.099.416.816
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	692.113.680	985.700.388
1. Tiền	111		692.113.680	985.700.388
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	9.200.000.000	9.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.200.000.000	9.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.081.125.475	1.564.580.284
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.670.846.681	1.250.974.242
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	410.278.794	313.606.042
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		78.823.513	49.136.144
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	58.070.569	3.833.334
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	11.318.716
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.11	20.752.944	33.984.094
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.253.058.612	27.063.434.420
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.000.000	5.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	5.000.000	5.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		26.917.243.446	26.784.256.809
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	15.321.262.652	14.833.678.091
- Nguyên giá	222		18.903.512.362	18.747.938.271
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.582.249.710)	(3.914.260.180)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	11.595.980.794	11.950.578.718
- Nguyên giá	228		14.402.560.910	14.402.560.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.806.580.116)	(2.451.982.192)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		330.815.166	274.177.611
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	330.815.166	274.177.611
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		39.305.121.280	39.162.851.236

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.476.448.858	1.334.178.814
I. Nợ ngắn hạn	310		1.476.448.858	1.334.178.814
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	156.224.802	149.147.193
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	1	1
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	202.551.607	118.985.103
4. Phải trả người lao động	314	V.12	967.211.989	768.949.982
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	52.507	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		150.407.952	297.096.535
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		37.828.672.422	37.828.672.422
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	37.828.672.422	37.828.672.422
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		37.828.672.422	37.828.672.422
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		39.305.121.280	39.162.851.236

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty






Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9.570.953.342	10.195.384.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng, cung cấp dịch vụ	10		9.570.953.342	10.195.384.317
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.094.591.554	5.094.292.359
5. Lợi nhuận gộp bán hàng, cung cấp dịch vụ	20		4.476.361.788	5.101.091.958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	687.051.601	509.624.249
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	5.027.209.160	5.452.440.068
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.204.229	158.276.139
11. Thu nhập khác	31	VI.5	261.545.454	211.181.817
12. Chi phí khác	32	VI.6	11.211.430	14.271.430
13. Lợi nhuận khác	40		250.334.024	196.910.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		386.538.253	355.186.526
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	82.513.850	78.624.879
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		304.024.403	276.561.647

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty






Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		386.538.253	355.186.526
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS Đầu tư	02		742.796.545	765.914.269
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(637.385.625)	(432.162.356)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	(36.789.032)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		491.949.173	652.149.407
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(55.090.519)	278.741.775
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(382.508.855)	(285.534.153)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(110.874.790)	(151.833.144)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.500.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	50.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(289.772.615)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(117.024.991)	253.751.270
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(875.783.182)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		40.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(14.000.000.000)	(13.200.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24		14.359.835.378	13.200.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia	27		299.386.087	236.707.811
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(176.561.717)	236.707.811

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(293.586.708)	490.459.081
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		985.700.388	495.241.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		692.113.680	985.700.388

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty



Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX tiền thân là Công ty Hoa Tiêu Khu Vực IX, là Công ty nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1552/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 06 năm 2008 thuộc Bộ Giao Thông Vận Tải. Ngày 25 tháng 06 năm 2010, Bộ Giao Thông Vận Tải ban hành Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT về việc chuyển đổi Công ty Hoa Tiêu Khu Vực IX thành Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX.

Ngày 24 tháng 10 năm 2011, theo quyết định số 2399/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao Thông Vận tải, Công ty TNHH MTV Hoa Tiêu Hàng Hải Khu Vực IX được chuyển về làm đơn vị thành viên của Tổng Công ty Bảo Đảm An Toàn Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500997973 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2008.

Công ty đã 06 (sáu) lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 07 tháng 05 năm 2022.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Ngày cấp	Vốn điều lệ đăng ký
Đăng ký lần đầu	02/12/2008	28.018.072.422
Thay đổi lần 1	29/10/2010	28.018.072.422
Thay đổi lần 2	01/10/2012	28.018.072.422
Thay đổi lần 3	19/03/2015	28.018.072.422
Thay đổi lần 4	03/07/2017	28.018.072.422
Thay đổi lần 5	21/03/2019	37.828.672.422
Thay đổi lần 6	07/05/2022	37.828.672.422

Vốn điều lệ đăng ký: 37.828.672.422 VND

Bằng chữ: Ba mươi bảy tỷ tám trăm hai mươi tám triệu sáu trăm bảy mươi hai nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31 tháng 12 năm 2023: 37.828.672.422 VND

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Cung cấp dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Cung cấp dịch vụ dẫn dắt tàu biển ra vào cảng, khu neo đậu tàu, chuyển tải thuộc khu vực dầu khí phía Nam và các tuyến dẫn tàu được giao; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ đại lý và môi giới hàng hải; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn; Dịch vụ đào tạo hoa tiêu; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê phương tiện vận tải đường bộ; Cho thuê lại lao động; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; Cho thuê phương tiện vận tải đường thủy; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Địa chỉ trụ sở hoạt động

Số 279 đường 3/2, Phường 11, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là tiền đồng Việt Nam (VND) và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ toàn bộ các chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam cũng như các quy định có liên quan đến công tác kế toán trên các phương diện trọng yếu.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm vào việc trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thực hành kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế ngoài nước Việt Nam. Do đó, các nguyên tắc và thực hành kế toán tại Việt Nam có thể khác với nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nhận tiền từ nhà đầu tư;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn (có thời gian đáo hạn ban đầu không quá ba tháng) sẵn sàng có thể chuyển đổi thành tiền mà không gặp bất kỳ rủi ro trọng yếu nào.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

3. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo nguyên giá trừ dự phòng giảm giá các khoản đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ước tính có thể thu được. Giá trị của các khoản phải thu được ước tính dựa trên giá trị ghi sổ các khoản phải thu trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi ước tính cho phần giá trị bị tổn thất do quá hạn thanh toán, khách hàng không có khả năng thanh toán.

5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hiện tại được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc thiết bị	05 - 08 năm
Phương tiện vận chuyển	06 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản:

Quyền sử dụng đất	41,7 năm
-------------------	----------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn, được thể hiện theo giá trị còn lại. Chi phí trả trước được vốn hóa và phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản chi phí trả trước mang lại lợi ích kinh tế trên 01 năm được phân loại là chi phí trả trước dài hạn.

8. Doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

9. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định dựa trên các khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi từ các khoản đầu tư đó.

10. Chi phí

Chi phí sản xuất, kinh doanh và chi phí khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Các chi phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

11. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày theo tổng giá trị của thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các khoản thu nhập không chịu thuế và chi phí không được khấu trừ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

Việc xác định các loại thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

12. Bên liên quan

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Bên liên quan bao gồm:

Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty con, công ty liên kết do Công ty đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Giao dịch giữa các bên liên quan: Là việc chuyển giao các nguồn lực hay các nghĩa vụ giữa các bên liên quan, không xét đến việc có tính giá hay không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1 .Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	91.603.276	108.531.254
Tiền gửi ngân hàng	600.510.404	877.169.134
- Tiền gửi ngân hàng - VND	600.510.404	877.169.134
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	16.021.393	9.614.873
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN BR - VT	59.870.328	76.167.808
+ Ngân hàng TMCP Quốc Dân - CN Vũng Tàu	524.618.683	791.386.453
Cộng	692.113.680	985.700.388

2 .Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền gửi tiết kiệm (*)	9.200.000.000	9.500.000.000
Cộng	9.200.000.000	9.500.000.000

(*) Tiền gửi tiết kiệm tại ngày 31/12/2023 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng như sau:

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 880/2023/17280 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh BRVT ngày 16/05/2023 số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm, đáo hạn ngày 17/05/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 880/2023/17286 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh BRVT ngày 16/05/2023 số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm, đáo hạn ngày 16/05/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 391700799 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Lê Hồng Phong - Vũng Tàu ngày 16/03/2023 số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7.7%/năm, đáo hạn ngày 16/03/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 389489239 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Lê Hồng Phong - Vũng Tàu ngày 24/02/2023 số tiền 1.200.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7.9%/năm, đáo hạn ngày 24/02/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 411429649 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Lê Hồng Phong - Vũng Tàu ngày 27/12/2023 số tiền 400.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 4.7%/năm, đáo hạn ngày 27/12/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 390096859 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Lê Hồng Phong - Vũng Tàu ngày 02/03/2023 số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 7.9%/năm, đáo hạn ngày 02/03/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 4090388859 tại Ngân hàng TMCP Á Châu - PGD Lê Hồng Phong - Vũng Tàu ngày 05/09/2023 số tiền 700.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5.3%/năm, đáo hạn ngày 05/03/2024.
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 00018/2023/HĐTĐG/111-9232 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh BRVT ngày 12/10/2023 số tiền 800.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm, đáo hạn ngày 12/10/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 00017/2023/HĐTĐG/111-9232 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh BRVT ngày 12/10/2023 số tiền 800.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5.8%/năm, đáo hạn ngày 12/04/2024.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 00021/2023/HĐTĐG/111-9232 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh BRVT ngày 26/10/2023 số tiền 300.000.000 VND, kỳ hạn 3 tháng, lãi suất 4.35%/năm, đáo hạn ngày 26/01/2024.

- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 00020/2023/HĐTĐG/111-9232 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh BRVT ngày 26/10/2023 số tiền 1.000.000.000 VND, kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5.5%/năm, đáo hạn ngày 26/04/2024.

3 .Phải thu khách hàng**a .Phải thu khách hàng ngắn hạn**

- Công ty Cổ Phần Hàng Hải Thăng Long
- Công ty Cổ Phần Faicon Logistics
- Iss Gemadept Company Limited
- Công ty TNHH Thương Mại Vĩnh Khang
- Công ty TNHH Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Lô 05. 1a
- Đối tượng khác

	Cuối năm	Đầu năm
	1.670.846.681	1.250.974.242
- Công ty Cổ Phần Hàng Hải Thăng Long	623.337.724	276.745.865
- Công ty Cổ Phần Faicon Logistics	254.913.461	338.675.699
- Iss Gemadept Company Limited	387	248.379.125
- Công ty TNHH Thương Mại Vĩnh Khang	295.719.480	206.865.466
- Công ty TNHH Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước - Lô 05. 1a	249.575.628	97.363.337
- Đối tượng khác	247.300.001	82.944.750
b .Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.670.846.681	1.250.974.242

5 .Phải thu khác**a .Các khoản phải thu khác ngắn hạn**

- Dự thu tiền lãi gửi ngân hàng
- Thuế thu nhập cá nhân phải thu
- Phải thu ngắn hạn khác

b .Các khoản phải thu khác dài hạn

- Ký quỹ thẻ taxi

	Cuối năm	Đầu năm
	410.278.794	313.606.042
- Dự thu tiền lãi gửi ngân hàng	327.830.136	305.476.713
- Thuế thu nhập cá nhân phải thu	681.795	671.967
- Phải thu ngắn hạn khác	81.766.863	7.457.362
b .Các khoản phải thu khác dài hạn	5.000.000	5.000.000
- Ký quỹ thẻ taxi	5.000.000	5.000.000
Cộng	415.278.794	318.606.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm	Đầu năm
6 .Chi phí trả trước	58.070.569	3.833.334
a .Chi phí trả trước ngắn hạn	58.070.569	3.833.334
- Bộ đàm IC - M73	-	3.833.334
- Màn hình Led	57.615.557	-
- Chi phí khác	455.012	-
b .Chi phí trả trước dài hạn	330.815.166	274.177.611
- Hệ thống PCCC	25.875.817	60.376.909
- Hội trường	25.361.469	59.176.761
- Công cụ, dụng cụ	103.678.712	154.623.941
- Sửa chữa bờ rào	175.899.168	-
Cộng	388.885.735	278.010.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

7 .Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	17.718.470.737		720.209.091	309.258.443	-	18.747.938.271
Mua trong năm	-	-	875.783.182	-	-	875.783.182
Tăng do đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(720.209.091)	-	-	(720.209.091)
Số dư cuối năm	17.718.470.737	-	875.783.182	309.258.443	-	18.903.512.362
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.914.502.774	-	720.209.091	279.548.315	-	3.914.260.180
Khấu hao trong năm	374.133.916	-	-	14.064.705	-	388.198.621
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(720.209.091)	-	-	(720.209.091)
Số dư cuối năm	3.288.636.690	-	-	293.613.020	-	3.582.249.710
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	14.803.967.963	-	-	29.710.128	-	14.833.678.091
Tại ngày cuối năm	14.429.834.047	-	875.783.182	15.645.423	-	15.321.262.652

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

8 .Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	14.402.560.910	-	-	-	-	14.402.560.910
Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	14.402.560.910	-	-	-	-	14.402.560.910
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.451.982.192	-	-	-	-	2.451.982.192
Khấu hao trong năm	354.597.924	-	-	-	-	354.597.924
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	2.806.580.116	-	-	-	-	2.806.580.116
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	11.950.578.718	-	-	-	-	11.950.578.718
Tại ngày cuối năm	11.595.980.794	-	-	-	-	11.595.980.794

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

9 .Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a .Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	156.224.802	156.224.802	149.147.193	149.147.193
- Nhà hàng Hữu Nghị	-	-	27.745.000	27.745.000
- Công ty TNHH Thiết Bị PCCC và Bảo Hộ Lao Động Ngọc Quỳnh	-	-	52.184.000	52.184.000
- Công ty TNHH Dịch Vụ Masco	94.000.000	94.000.000	69.218.193	69.218.193
- Công ty TNHH Túc Trí	62.224.802	62.224.802	-	-
b .Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	156.224.802	156.224.802	149.147.193	149.147.193

10 .Người mua trả tiền trước**a .Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn**

- Ban quản lý cơ sở hạ tầng 2-CN TCT viễn thông Mobifone

b .Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
	1	1
	1	1
	-	-
Cộng	1	1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

11 .Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm		Trong năm		Đầu năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số đã nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Phải thu	Phải nộp
- Thuế GTGT	10.841.352	-	146.715.638	147.193.002	11.318.716	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.368.508	-	60.500.000	82.513.850	26.382.358	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	202.551.607	272.518.209	356.084.713	-	118.985.103
- Thuế đất	5.543.084	-	-	2.058.652	7.601.736	-
- Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	20.752.944	202.551.607	482.733.847	590.850.217	45.302.810	118.985.103

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

12 .Phải trả người lao động

- Tiền lương

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
- Tiền lương	967.211.989	768.949.982
Cộng	967.211.989	768.949.982

13 .Quỹ khen thưởng, phúc lợi Người quản lý và Người lao động

Số đầu năm

- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành công ty

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động

Tăng quỹ trong năm

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động

+ Trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế

+ Khen thưởng từ chủ sở hữu

Chi quỹ

Số cuối năm

	Cuối năm	Đầu năm
Số đầu năm	297.096.535	260.307.504
- Quỹ thưởng Người quản lý điều hành công ty	9.213.067	9.213.067
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	287.883.468	251.094.437
Tăng quỹ trong năm	308.024.403	326.561.647
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động	308.024.403	326.561.647
+ Trích từ nguồn lợi nhuận sau thuế	304.024.403	276.561.647
+ Khen thưởng từ chủ sở hữu	4.000.000	50.000.000
Chi quỹ	(454.712.986)	(289.772.615)
Số cuối năm	150.407.952	297.096.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

14 .Phải trả khác

a .Các khoản phải trả khác ngắn hạn

- Kinh phí công đoàn

- Bảo hiểm xã hội

b .Các khoản phải trả khác dài hạn

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	52.507	-
	52.416	-
	91	-
	-	-
	52.507	-

15 .Vốn chủ sở hữu

a .Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác	Cộng
Số dư đầu năm trước	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422
- Tăng/(giảm) vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lãi/(Lỗ) trong năm trước	-	-	276.561.647	-	276.561.647
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(276.561.647)	-	(276.561.647)
Số dư đầu năm nay	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422
- Tăng/(giảm) vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lãi/(Lỗ) trong năm nay	-	-	304.024.403	-	304.024.403
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(304.024.403)	-	(304.024.403)
Số dư cuối năm nay	37.828.672.422	-	-	-	37.828.672.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

b .Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm

Nhà đầu tư	Cuối năm		Đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
- Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	37.828.672.422	100,00%	37.828.672.422	100,00%
Cộng	37.828.672.422	100,00%	37.828.672.422	100,00%

c .Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn điều lệ đăng ký của chủ sở hữu	37.828.672.422	37.828.672.422
+ Vốn góp đầu năm	37.828.672.422	37.828.672.422
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	37.828.672.422	37.828.672.422
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm nay	Năm trước
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.351.680.613	9.976.111.592
- Doanh thu hoạt động khác	219.272.729	219.272.725
Cộng	9.570.953.342	10.195.384.317
2. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ đã cung cấp	5.094.591.554	5.094.292.359
Cộng	5.094.591.554	5.094.292.359
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	687.051.601	509.624.249
Cộng	687.051.601	509.624.249
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	2.389.917.993	2.303.893.164
- Chi phí đồ dùng văn phòng	59.880.383	142.966.588
- Chi phí khấu hao TSCĐ	734.828.545	757.946.269
- Thuế, phí và lệ phí	5.058.652	5.058.652
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.826.927.826	2.235.054.791
- Chi phí bằng tiền khác	10.595.761	7.520.604
Cộng	5.027.209.160	5.452.440.068
5. Thu nhập khác		
- Lãi từ hoạt động thanh lý TSCĐ	261.545.454	195.454.545
- Bán hồ sơ đấu giá TSCĐ	-	727.272
- Tiền hỗ trợ phòng chống Covid	-	15.000.000
Cộng	261.545.454	211.181.817
6. Chi phí khác		
- Lỗ từ hoạt động thanh lý TSCĐ	11.211.430	14.271.430
Cộng	11.211.430	14.271.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

7 .Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
a- Tổng lợi nhuận trước thuế	386.538.253	355.186.526
b- Các khoản điều chỉnh tăng	26.031.000	37.937.869
+ Chi phí không được trừ	26.031.000	37.937.869
c- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
d- Tổng thu nhập chịu thuế (d=a+b+c)	412.569.253	393.124.395
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	412.569.253	393.124.395
e- Thuế TNDN phải nộp	82.513.850	78.624.879
+ Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	82.513.850	78.624.879
f- Thuế TNDN được miễn giảm	-	-
g- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	82.513.850	78.624.879
h- Lợi nhuận sau thuế TNDN (h=a-g)	304.024.403	276.561.647

VII .NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 .Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

2 .Thông tin về các bên liên quan

Những giao dịch chủ yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Các bên liên quan	Mối liên hệ	Giao dịch	Cuối năm	Đầu năm
Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam	Chủ sở hữu	Nhận tiền khen thưởng	3.000.000	50.000.000
Hiệp hội Hoa Tiêu		Nhận tiền khen thưởng	1.000.000	-
Lương người quản lý, kiểm soát viên			Năm nay	Năm trước
- Quỹ tiền lương kế hoạch			1.183.622.654	1.135.428.571
- Quỹ tiền lương thực hiện (tạm trích)			1.203.830.904	1.225.610.932

3 .Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty. Số liệu này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AACS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Chủ tịch và Ban Giám đốc Công ty xác nhận Công ty không có ý định chấm dứt hoạt động hoặc thu hẹp quy mô trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ ngày kết thúc niên độ. Do vậy, báo cáo tài chính được lập và trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 20 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Công ty



Thái Thị Hoa

Thái Thị Hoa

Vũ Tiến Việt

